

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2024  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thanh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Quách Thị Thu Hương
- Bà Đinh Thị Hồng Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** bà Tống Thị Huệ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:** bà Lê Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** anh Đặng Văn C sinh năm 1982; nơi thường trú: số nhà D, ngõ G, đường L, phố A, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số nhà A, đường C, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

**- Bị đơn:** chị Hoàng Thu T sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà D, ngõ G, đường L, phố A, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh C, vắng mặt chị T (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đặng Văn C trình bày: anh và chị Hoàng Thu T sau 3 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 06/3/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi

kết hôn anh và chị Thủy C1 sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị T nhiều lần có lời nói xúc phạm anh nên anh chị nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 7/2017 bố con anh đã phải đi thuê nhà ở cho đến nay. Trong thời gian này anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Việc chị T trình bày anh cặp bồ và có con là không đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thu T.

Về con chung: anh và chị T có 2 con chung là cháu Đặng Minh Quyết S ngày 07 tháng 8 năm 2005 và cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05/8/ 2011. Cháu Q đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị T và chị T có nguyện vọng nuôi cháu T1 nên anh đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05/08/2011 cho chị T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo phương thức định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh và chị T không có tài sản chung , công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2024 bị đơn là chị Hoàng Thu T trình bày: chị và anh Đặng Văn C được tự do tìm hiểu, kết hôn tại UBND phường Đ vào ngày 06/3/2003. Quá trình chung sống giữa chị và anh C vẫn bình thường. Đến năm 2019 vợ chồng không cãi nhau, không có khúc mắc tình cảm vợ chồng, anh thuê nhà ra ở riêng và anh cặp bồ với cô Phạm Thị H. Chị muốn khởi kiện anh C chưa cắt vợ mà đã đi cặp bồ và đã có con, không đồng ý ký đơn ly hôn.

Chị và anh C có 2 con chung là cháu Đặng Minh Quyết S ngày 07/8/2005 và cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05/08/2011. Nếu Tòa giải quyết ly hôn, chị đề nghị giao cháu T1 cho chị nuôi dưỡng, còn cháu Q đã trưởng thành chị không đề nghị giải quyết

Về tài sản chung, công nợ: chị và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn C. Anh Đặng Văn C được ly hôn với chị Hoàng Thu T.

- Về con chung: giao cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05/8/2011 cho chị Hoàng Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn C cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Đặng Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình (biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000275 ngày 14/5/2024). Anh C còn phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Đặng Văn C có đơn khởi kiện về việc: “ Ly hôn, tranh chấp cấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn chị Hoàng Thu T có nơi cư trú tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Hoàng Thu T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thu T là hợp pháp. Anh C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế và không tôn trọng nhau

nên anh đã phải thuê nhà để ở từ năm 2017 cho đến nay. Còn chị T xác định anh chị không có mâu thuẫn gì nhưng anh C đã thuê nhà ra ở riêng từ năm 2017. Nay anh C xin ly hôn, chị T không nhất trí ly hôn vì lý do anh C có bồ và có con nhưng chị T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc anh C có bồ và con riêng. Mặc dù lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị không thống nhất nhưng thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Đại diện khu phố nơi thường trú của anh chị cũng xác nhận khoảng 5 năm nay anh C đã thuê nhà chỗ khác để ở. Hội đồng xét xử thấy mặc dù chị T không đồng ý ly hôn nhưng chị không có biện pháp để cải thiện quan hệ hôn nhân giữa chị và anh C. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa anh C và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thu T có 2 con chung là cháu Đặng Minh Quyết S ngày 07/8/ 2005 và cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05/8/2011. Cháu Q đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Khi ly hôn, anh C và chị T đều đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay chị T là người trực tiếp nuôi con, cháu T1 có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi về mọi mặt của cháu thì giao cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05/8/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không có ý kiến về nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh C có ý kiến anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo phương thức định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Xét thấy việc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nêu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và công nợ chung: anh C xác định anh chị không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T có ý kiến chị và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, anh Đặng Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thu T được ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Văn C và chị Hoàng Thu T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao cháu Đặng Thành T1 sinh ngày 05 tháng 8 năm 2011 cho chị Hoàng Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Đặng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đặng Thành T1 theo phương thức định kỳ hàng tháng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: anh Đặng Văn C phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000275 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố

Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Anh Đặng Văn C còn phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THA DS thành phố Ninh Bình;
- UBND phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Phương**







